TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – H phúc**

Bản án số: 30/2023/DS-ST
Ngày: 31 - 01 - 2023
V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự, vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Giữ.

2. Bà Trương Thị Thu Thủy.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Văn Quang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 265/2022/TLST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp về hợp đồng dân sự, vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 497/2022/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2023/QĐST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hà Thị Thúy K, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ 02, ấp LH, xã OLV, huyện CP, tỉnh AG (có mặt)

2. Bị đơn:

- Ông Hà Văn Th, sinh năm 1975 (vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1978 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp TP, xã TMT, huyện CP, tỉnh AG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/10/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Hà Thị Thúy K trình bày:

Ngày 01/7/2021, ông Th trực tiếp vay của bà K số tiền 17.000.000 đồng, thời hạn vay là 04 tháng, do ông Th là anh ruột nên không tính lãi và không có làm giấy tờ vay; ông Th nói mục đích vay tiền để lo đám trong gia đình. Khi đến hạn thanh toán, bà K nhiều lần liên hệ ông Th để trả lại số tiền đã vay nhưng đến nay ông Th vẫn không trả. Vì vậy, bà K khởi kiện yêu cầu bà H (là vợ của ông Th) phải có trách nhiệm liên đới với ông Th trả lại cho bà K số tiền đã vay là 17.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 13/12/2022, ông Hà Văn Th trình bày:

Ngày 01/7/2021, ông Th có vay của bà K số tiền 17.000.000 đồng, không tính lãi, mục đích vay để lo cho sinh hoạt trong gia đình và làm vốn để vợ chồng mua bán tạp hoá tại nhà, thoả thuận khi nào có tiền thì sẽ trả lại cho bà K; ông Th là người trực tiếp hỏi vay và nhận tiền. Sau khi nhận tiền vay thì ông Th về nhà đưa lại cho bà H cất giữ, có nói với bà H đây là số tiền vay của bà K, khi nào có tiền thì vợ chồng sẽ trả lại cho bà K. Hiện nay ông Th và bà K đã được Tòa án giải quyết cho ly hôn. Khi vợ chồng còn chung sống thì ông Th chủ yếu làm ruộng, còn bà H thì mua bán tạp hoá tại nhà. Nay ông Th thống nhất cùng bà H liên đới trả cho bà K số tiền vốn vay là 17.000.000 đồng.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 15/12/2022, bà Nguyễn Thị Bích H trình bày:

Trong thời gian vợ chồng còn chung sống thì thu nhập của vợ chồng từ việc vợ chồng cùng nhau làm máy nông nghiệp, thuê đất làm lúa, làm mít, chăn nuôi heo, bò, bà H mua bán tạp hoá nhỏ và may quần áo tại nhà. Ông Th có phụ giúp bà H để lo cho chi phí sinh hoạt trong gia đình, lo cho con, khi đi làm về thì ông Th đưa tiền cho bà H cất giữ để lo cho kinh tế gia đình. Tuy nhiên, vào ngày 28 tháng 5 năm 2022 âm lịch vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì bà H mới biết ông Th nợ tiền bà K và kể từ đó ông Th không phụ giúp cũng không đưa tiền cho bà H để lo cho sinh hoạt trong gia đình và lo đóng tiền lãi của các khoản vay của vợ chồng.

Bà H không biết ông Th vay tiền của bà K, đến khi bà H với ông Th xảy ra mâu thuẫn trong hôn nhân thì bà K mới đến cho bà H biết về việc ông Th có nợ của bà K 17.000.000 đồng. Do đó, bà H không đồng ý liên đới cùng ông Th trả nợ vay 17.000.000 đồng cho bà K, vì đây là số tiền ông Th tự ý mượn riêng cho cá nhân ông Th, bà H không liên quan.

Tại phiên tòa,

Bà K giữ nguyên yêu cầu bà H và ông Th có trách nhiệm liên đới trả cho bà K số tiền vốn vay 17.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra, bà K còn khai ông Th vay 02 lần: Ngày 01/7/2021 ông Th vay 11.500.000 đồng và nói là vay để làm đám nói cho con, hẹn xong đám sẽ trả lại; đến tháng 02/2022 ông Th vay thêm 5.500.000 đồng và nói là để đưa cho bà H chuộc vàng; tổng cộng ông Th vay 17.000.000 đồng. Cả hai lần vay đều không tính lãi; ông Th là người trực tiếp hỏi vay và nhận tiền vay. Bà K kêu ông Th phải nói cho bà H biết việc vay tiền thì ông Th cho rằng có nói có bà H biết và có đưa tiền cho bà H; còn việc ông Th có nói

cho bà H biết việc vay tiền hay không và có đưa tiền cho bà H hay không thì bà K không biết rõ, do đây là việc riêng của vợ chồng ông Th.

Bà H không đồng ý liên đới cùng ông Th trả nợ theo yêu cầu của bà K, do số tiền 17.000.000 đồng này là nợ riêng của ông Th, bà H hoàn toàn không biết việc ông Th vay tiền của bà K, ông Th cũng không có nói gì cho bà H biết. Thời gian sau đến khi vợ chồng mâu thuẫn do bà H bị ông Th đánh gãy tay thì bà K mới đến thăm bệnh và cho bà H biết ông Th đã vay 17.000.000 đồng.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án:

- Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà K, buộc ông Th có trách nhiệm trả cho bà K số tiền vốn vay 17.000.000 đồng. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà K về việc buộc bà H liên đới cùng ông Th trả số tiền vốn vay 17.000.000 đồng.

- Kể từ ngày bà K có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ông Th còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về án phí, đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa các đương sự về hợp đồng vay tài sản, bị đơn cư trú tại huyện CP, tỉnh AG nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Ông Th có lời khai thừa nhận có vay của bà K số tiền 17.000.000 đồng. Tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ lời khai thừa nhận của các bên để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[3] Về hợp đồng vay tài sản:

[3.1] Căn cứ lời khai của bà K và ông Th trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, có cơ sở xác định: Giữa bà K và ông Th có xác lập hợp đồng vay tài sản vào ngày 01/7/2021, số tiền vốn vay là 17.000.000 đồng; thuộc loại hợp đồng vay tài sản không có lãi. Bà K khai thời hạn vay là 04 tháng; ông Th khai vay tiền khi nào có thì trả; ngoài lời khai của bà K và ông Th thì không có tài liệu, chứng cứ

gì khác nên Hội đồng xét xử xác định hợp đồng vay tài sản giữa bà K và ông Th thuộc loại không có kỳ hạn. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Th vẫn chưa trả nợ vay cho bà K.

[3.2] Xét thấy, hợp đồng vay tài sản giữa các bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, hình thức giao dịch phù hợp với quy định tại các điều 117, 118, 119, 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên. Bị đơn ông Th vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên nguyên đơn bà K khởi kiện yêu cầu ông Th trả số tiền vốn vay 17.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 466 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về việc tính lãi: Bà K không yêu cầu ông Th trả lãi chậm trả tiền nên Hội đồng xét xử không xem xét. Kể từ ngày bà K có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu ông Th chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

[4] Về trách nhiệm liên đới trả nợ vay: Bà K và ông Th thừa nhận ông Th mới là người trực tiếp hỏi vay và nhận tiền vay 17.000.000 đồng; việc vay tiền không lập văn bản mà chỉ bằng lời nói. Khi vay thì bà K không có báo cho bà H biết về việc ông Th đã vay tiền, mà bà K chỉ kêu ông Th nói cho bà H biết; bản thân bà K cũng không biết ông Th có nói cho bà H biết việc vay tiền hay không. Ông Th khai vay tiền để lo cho sinh hoạt trong gia đình và làm vốn để vợ chồng mua bán tạp hoá tại nhà; sau khi nhận tiền vay thì ông Th về nhà đưa lại cho bà H cất giữ và nói cho bà H biết là tiền vay của bà K. Tuy nhiên, bà H khai hoàn toàn không biết việc ông Th vay tiền của bà K; ông Th cũng không có nói gì cho bà H biết và không có đưa cho bà H tiền vay; về sau đến khi vợ chồng mâu thuẫn thì bà K mới cho bà H biết ông Th đã vay 17.000.000 đồng; đến nay vợ chồng đã ly hôn, bà H cho rằng đây là nợ riêng của ông Th. Hội đồng xét xử xét thấy, ngoài lời khai của bà K và ông Th thì không có tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh bà H có biết việc ông Th vay tiền của bà K và để chứng minh việc ông Th sử dụng tiền vay nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do đó, không có đủ cơ sở để buộc bà H liên đới với ông Th trả nợ vay cho bà K theo Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của bà K không được chấp nhận một phần về việc buộc bà H liên đới trả nợ nên bà K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng. Trả lại cho bà K một phần tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông Th vi phạm nghĩa vụ trả nợ và yêu cầu khởi kiện của bà K được chấp nhận đối với ông Th nên ông Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 166, 357, 463, 466 và 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 13 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Thị Thúy K về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Bích H có trách nhiệm liên đới với ông Hà Văn Th trả số tiền vốn vay 17.000.000 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Thị Thúy K.

Buộc ông Hà Văn Th có trách nhiệm trả cho bà Hà Thị Thúy K số tiền vốn vay 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng).

Kể từ ngày bà Hà Thị Thúy K có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu ông Hà Văn Th chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Hà Thị Thúy K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 425.000 đồng (Bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà K đã nộp theo biên lai thu số 0004980 ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP, tỉnh AG. Trả lại cho bà K số tiền 125.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp.

Ông Hà Văn Th phải chịu 850.000 đồng (Tám trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Hà Thị Thúy K và bà Nguyễn Thị Bích H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Hà Văn Th có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- CCTHADS huyện Châu Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Linh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Bờ **Nguyễn Thị Kim Phượng** **Nguyễn Duy Linh**